

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☐ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên: ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng: ☐

Ngành: Cơ khí; Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Văn Đua**

2. Ngày tháng năm sinh: 02/04/1979; Nam: ☒ Nữ: ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tân Minh, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):
Số nhà B414, Chung cư Athena Complex Xuân Phương, TDP Số 3 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Công nghệ Cơ khí - Trường Cơ khí - Ô tô - Đại học Công Nghiệp Hà Nội, số 298, Đường Cầu Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0961861912

E-mail: duatv@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 09 năm 2004 đến tháng 11 năm 2005: Giáo viên trung học khoa Cơ khí, Trường Cao đẳng Công Nghiệp Hà Nội.
- Từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 05 năm 2008: Giáo viên trung học khoa Cơ khí, Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.
- Từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 07 năm 2023: Giảng viên khoa Cơ khí, Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.
- Từ tháng 08 năm 2023 đến Nay: Giảng viên khoa Công nghệ Cơ khí - Trường Cơ khí - Ô tô, Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 298, Đường Cầu Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243 7655.121

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học thứ nhất ngày 25 tháng 6 năm 2003; số văn bằng B456949; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Bách khoa Hà nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng đại học thứ hai ngày 21 tháng 07 năm 2008; số văn bằng A0147321; ngành: Điện, chuyên ngành: Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Bách khoa Hà nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày 18 tháng 6 năm 2008; số văn bằng 003579; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Nơi cấp bằng thạc sĩ: Đại học Bách khoa Hà nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 02 tháng 06 năm 2017; số văn bằng 006786; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Nơi cấp bằng TS: Viện nghiên cứu Cơ khí, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:
Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,
ngành:

.....
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công
Nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí –
Động Lực.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Hướng nghiên cứu thứ nhất*: Nghiên cứu tối ưu hóa vật liệu và trang thiết bị

- *Hướng nghiên cứu thứ hai*: Nghiên cứu tối ưu hóa trong gia công cơ khí

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp TP. Hà
Nội, 02 đề tài cấp Bộ Công Thương, 01 đề tài cấp Quốc gia.

- Đã công bố 46 bài báo KH, trong đó 27 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong năm
học 2011-2012 và ba năm học liên tiếp 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.

- Được tặng Giấy khen của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cho
Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn
hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của
nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 17 năm

- Khai cụ thể 7 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 /BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng dạy trực tiếp/giờ quy đổi/số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				4	352.5		352.5/567.5/270
2	2019-2020			01	2	360	30	390/386.5/270
3	2020-2021			01	4	352.5	30	382.5/464/270
4	2021-2022					352.5	30	382.5/468/270
03 năm cuối								
5	2022-2023				5	360	30	390/518.5/350
6	2023-2024				5	360		360/462/350
7	2024-2025			01	4	352.5		352.5/447.5/350

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng anh B2 – Khung Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2018 đến 2025	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Hà Phan		HVCH		x	2018- 2020	ĐHCNHN	14/08/2020
2	Nguyễn Quốc Cường		HVCH	x	x	2019- 2021	ĐHCNHN	12/08/2021
3	Trần Minh Hoàng		HVCH	x		2023- 2025	ĐHCNHN	11/06/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
a. Trước khi được công nhận TS							
1	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	GT	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015	1	x	3-230	20/GXN-ĐHCN
b. Sau khi được công nhận TS							
2	Quản lý chất lượng sản phẩm	GT	Nhà xuất bản Thống kê, 2020	3		201-283	19/GXN-ĐHCN
3	Thiết kế máy công cụ	GT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2022	4		233-259	21/GXN-ĐHCN

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu chế tạo các lớp màng cứng nano gốc Crôm để nâng cao chất lượng khuôn dập loại nhỏ.	Thành viên	31/2013/HĐ-SKHCN Cấp TP. Hà Nội	01/2013 - 5/2016	26, 05, 2016/ Xếp loại Khá
2	Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ chế tạo màng cứng gốc titan cho chày dập nóng.	Thành viên	027.14RD/HĐ-KHCN Cấp Bộ Công Thương	2/2014 - 2/2015	04, 02, 2015/ Xếp loại Xuất sắc
3	Nghiên cứu chế tạo thiết bị đánh giá độ bám dính của lớp màng cứng chiều dày micro/nano-mét bằng phương pháp rạch mặt.	Thành viên	42.15ĐTKHCN /HĐ-KHCN Cấp Bộ Công Thương	01/2015 - 4/2016	26, 04, 16/ Xếp loại Xuất sắc
Sau khi được công nhận TS					
4	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị lò nhiệt luyện điện trở ghép nối máy tính.	CN	02-2014-RD/HĐ-ĐHCN Cấp Trường ĐHCNHN	02/2014 - 11/2017	06,10, 2017/ Xếp loại Đạt
5	Xây dựng quy trình sử dụng thiết bị Univex 400 và nghiên cứu nâng cao công nghệ tạo màng cứng gốc Titan trên nền thép hợp kim, ứng dụng thử nghiệm cho dụng cụ gia công cơ khí.	CN	13-2018-RD/HĐ-ĐHCN Cấp Trường ĐHCNHN	6/2018 - 10/2021	23, 09, 2021/ Xếp loại Đạt

6	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị phủ màng sử dụng kỹ thuật PVD, ứng dụng cho các sản phẩm trong ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng và tuổi thọ.	Thành viên	38/2019/HĐ-CN/ĐHHT Cấp Quốc gia	05/2019 - 02/2020	31,12, 2019/ Xếp loại Đạt
---	--	------------	------------------------------------	-------------------	------------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị đo nhiệt cắt khi tiện	5		Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Số 2, trang 42-45	01/2010
2	Nghiên cứu đặc tính ma sát của một số màng cứng chế tạo bằng phương pháp lắng đọng từ pha hơi trên cơ sở quá trình vật lý	5	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí – lần thứ III ISBN: 978-604-67-0061-6			Số 3, trang 1493-1502	04/2013
3	Đặc tính của màng cứng gốc Crôm chế tạo bằng phương pháp lắng đọng từ pha hơi trên cơ sở quá trình vật lý	4	x	Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Số 19, trang 6-10	12/2013

4	Khảo sát hình thái học và độ nhám tế vi của lớp màng cứng CrN chế tạo bằng phương pháp lắng đọng vật lý từ pha hơi trong môi trường chân không	4	x	Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Số 22, trang 10-15	06/2014
5	Nghiên cứu đặc tính ma sát và mài mòn của màng CrN tạo trên nền thép SKD11 bằng phương pháp phún xạ	3	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 0866-7056			Số 05, trang 49-54	05/2015
6	Nghiên cứu đặc tính ma sát và mài mòn của thép SKD11	3	x	Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Số 28, trang 19-21	06/2015
7	So sánh đặc tính ma sát của mẫu thép phủ màng CrN với mẫu thép thấm Nito	3	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí – lần thứ IV -2015 ISBN 978-604-73-3691-3			Tập 2, trang 386-391	11/2015
II	Sau khi được công nhận TS							
8	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến đặc tính ma sát của lớp màng cứng CrN được chế tạo bằng phương pháp phún xạ xung DC trên nền thép SKD11	2	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí lần thứ V - VCME 2018 ISBN: 978-604-67-1103-2			Tập 01, trang 240-246	10/2018
9	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến đặc tính mài mòn của lớp màng cứng CrN được chế tạo bằng phương pháp phún xạ xung	1	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 0866-7056			Số 05, trang 84-90	05/2020

	DC trên nền thép SKD11							
10	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển lò nung điện trở kết nối máy tính	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 0866-7056			Số 01+02, trang 91-97	2/2021
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng khí Nito đến đặc tính của lớp màng TiN chế tạo bằng phương pháp phun xạ xung DC	5	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 0866-7056			Số 07, trang 70-77	7/2021
12	Effect of ultrasonic low - frequency vibration and its direction on machinability in WEDM process	4		Materials and Manufacturing Processes p-ISSN: 10426914; 152322475	Scopus, Q1		Tập 37, Số 09, trang 1045-1051	11/2021
13	Evaluating the surface film's properties based on acoustic emission and contact voltage signals	3		Vietnam Journal of Science and Technology p-ISSN: 2525-2518 e-ISSN: 2815-5874			Tập 59, Số 06, trang 786-797	12/2021
14	Application of the collaborative unbiased rank list integration method to select the materials	1	x	Applied Engineering Letters p-ISSN 2466-4677; e-ISSN 2466-4847	Scopus, Q4		Tập 7, Số 04, trang 133-142	12/2022
15	Combination of design of experiments and simple additive weighting methods: a new method for rapid multi-criteria decision making	1	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 01, trang 120-133	01/2023
16	RSMVC: A new-simple method to select the cutting tool base on multi criteria	2	x	Journal of Applied Engineering Science ISSN 1451-4117	Scopus, Q3		Tập 21, Số 01, trang 1-9	03/2023

17	Combination of symmetry point of criterion, compromise ranking of alternatives from distance to ideal solution and collaborative unbiased rank list integration methods for woodworking machinery selection for small business in Vietnam	1	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 02, trang 83-96	03/2023
18	Investigation of the appropriate data normalization method for combination with Preference Selection Index method in MCDM	4		Operational Research in Engineering Sciences: Theory and Applications ISSN: 2620-1607; eISSN: 2620-1747	Scopus, Q1		Tập 6, Số 01, trang 44-64	04/2023
19	Influence of carbon coated WC electrode on drilling measures of Ti-6Al-4V alloy in 1 - EDM process	6		Indian Academy of Sciences ISSN 00113891	Scopus, Q2		Tập 48, Số 3, trang 1-11	06/2023
20	Development of a new multi-criteria decision-making method	1	x	Eastern-European Journal of Enterprise Technologies, ISSN 1729-3774	Scopus, Q3		Tập 3, Số 04, trang 33-38	06/2023
21	Forklift selection by multi-criteria decision-making methods	1	x	Eastern-European Journal of Enterprise Technologies, ISSN 1729-3774	Scopus, Q3		Tập 05, Số 03, trang 95-101	10/2023
22	Application of multi-criteria decision-making method to choose	1	x	EUREKA: Physics and Engineering	Scopus, Q3		Số 06, trang 173-182	11/2023

	rice harvester in Vietnam			ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254				
23	Ảnh hưởng của vật liệu phủ điện cực WC đến các chỉ tiêu chất lượng trong Micro -EDM gia công Ti-6Al-4V	6		Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Tập 60, Số 01, trang 72-76	01/2024
24	Review on effect of cryogenic treatment on different process parameters in EDM	8	x	Journal of Positive Psychology & Wellbeing, ISSN 2587-0130			Tập 8, Số 01, trang 170-175	01/2024
25	Integration of objective weighting methods for criteria and MCDM methods: application in material selection	4	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 2, trang 131-148	03/2024
26	Research on the Optimization of Technological Parameters for Coating Hard CrN on SKD11 Steel Substrate	3	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam P- ISSN: 2615-9901 e- ISSN: 2815-5505			Số 314, trang 368-374	04/2024
27	Performance Analysis of Copper Coated Aluminum Tool in Electro Discharge Machining of Ti-6Al-4V Alloy	5	x	Proceedings of the 1st International Conference on Sustainability and Emerging Technologies for Smart Manufacturing SETSM 2024; ISBN 978-981-97-7082-3			Tập 01, trang 379-387	04/2024

				ISBN 978-981-97-7083-0 (eBook)				
28	Comparison of two methods: RAM and AROMAN	4	x	Proceedings of the 1st International Conference on Sustainability and Emerging Technologies for Smart Manufacturing SETSM 2024; ISBN 978-981-97-7082-3 ISBN 978-981-97-7083-0 (eBook)			Tập 01, trang 727-735	04/2024
29	Development of RAMDOE: a new method for rapidly ranking alternatives with supplementary options and considering changes in criteria values	2	x	Eastern-European Journal of Enterprise Technologies ISSN 1729-3774	Scopus, Q3		Tập 04, Số 02, trang 06-12	04/2024
30	The Use of SAW, RAM and PIV Decision Methods in Determining the Optimal Choice of Materials for the Manufacture of Screw Gearbox Acceleration Boxes	5		International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research; ISSN: 2278-0149 (Online)	ESCI, Scopus, Q3		Tập 13, Số 03, trang 338-347	05/2024
31	Enhancing Understanding of Changes in Solution Rankings with Variations in User Coefficients in AROMAN Method	2	x	International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research; ISSN: 2278-0149 (Online)	ESCI, Scopus, Q3		Tập 13, Số 03, trang 354-361	05/2024
	Study on the Influence of	2	x	Tạp chí khoa học công nghệ				

32	Technological Parameters on the Adhesion of CrN Hard Coating on SKD11 Steel Substrate Using the DC Pulse Magnetron Sputtering Method			đại học công nghiệp Hà Nội p-ISSN: 1859-3585 e-ISSN: 2615-9619			Tập 60, Số 05, trang 159-165	05/2024
33	Research on expanding the scope of application of the MARA method	2	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 03, trang 90-99	05/2024
34	Optimal Surface Grinding Regression Model Determination with the SRP Method	2	x	Engineering, Technology & Applied Science Research e-ISSN 1792-8036 p-ISSN 2241-4487	Scopus, Q2		Tập 14, Số 03, trang 14713 - 14718	06/2024
35	PSI-SAW and PSI-MARCOS Hybrid MCDM Method	1	x	Engineering, Technology & Applied Science Research e-ISSN 1792-8036 p-ISSN 2241-4487	Scopus, Q2		Tập 14, Số 04, trang 15963 - 15968	08/2024
36	Multi-criteria decision making for better quality indicators in μ -EDM using TiN-coated WC electrode	4		Materials and Manufacturing Processes p-ISSN: 10426914; 152322475	Scopus, Q1		Tập 39, Số 15, trang 2218-2225	08/2024
37	Enhancing the machining productivity in PMEDM for titanium alloy with low-frequency vibrations	5		Journal of the Mechanical Behavior of Materials; eISSN: 2191-0243	Scopus, Q2		Tập 33, trang 1-6	09/2024

	associated with the workpiece							
38	Optimal selection for machining processes using the PSI-R-PIV method	1	x	Applied Engineering Letters; ISSN 2466-4677; e-ISSN 2466-4847	Scopus, Q3		Tập 09, Số 03, trang 132-145	09/2024
39	MEPSI (Mutriss Enhanced Preference Selection Index): a novel method for ranking alternatives	2	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 06, trang 169-178	11/2024
40	Application of the CRADIS Method for Selecting a Broaching Machine for the Woodworking Industry in Viet Nam	1	x	Journal of Southwest Jiaotong University ISSN 0258 - 2724	Scopus, Q2		Tập 59, Số 06, trang 238-246	12/2024
41	Development of the PSI-RAPS-MCRAT method: a hybrid model	1	x	EUREKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4254 E-ISSN 2461-4262 ISSN-L 2461-4254	Scopus, Q3		Số 01, trang 141-151	01/2025
42	Application of the PSI Method in Selecting Sustainable Energy Development Technologies	1	x	Engineering, Technology & Applied Science Research e-ISSN 1792-8036 p-ISSN 2241-4487	Scopus, Q2		Tập 15, Số 01, trang 19596 - 19601	02/2025
43	Multi-Objective Optimization of the Turning Process using the Probability Method	5	x	Engineering, Technology & Applied Science Research e-ISSN 1792-8036	Scopus, Q2		Tập 15, Số 01, trang 19865 - 19870	02/2025

				p-ISSN 2241-4487				
44	M-OPARA: A Modified Approach to the OPARA Method.	5		Applications in Management and Engineering e-ISSN: 2620-0104 p-ISSN: 2560-6018	Scopus, Q1		Tập 8, Số 01, trang 256 - 275	02/2025
45	Integrating the Root Assessment Method with Subjective Weighting Methods for Battery Electric Vehicle Selection.	4	x	Engineering, Technology & Applied Science Research e-ISSN 1792-8036 p-ISSN 2241-4487	Scopus, Q2		Tập 15, Số 02, trang 21526 - 21531	04/2025
46	Investigation of electrode wear and surface quality in powder mixed electrical discharge machining (PMEDM) with low-frequency vibration applied to the workpiece.	4	x	World Scientific Publishing Company ISSN / eISSN: 0218-625X / 1793-6667	SCIE, Scopus Q3		Tập 32, Số 08, trang 25400 16-1-25400 16-13	04/2025

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau TS: 21 bài, gồm các bài: 14, 15, 16, 17, 20, 21, 22, 25, 29, 31, 33, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45, 46.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ỨNG VIÊN (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): **không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **không**

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **không**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ứng viên chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

(ỨNG VIÊN chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ứng viên chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ứng viên chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ỨNG VIÊN không đủ 05 CTKH là tác

giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ỨNG VIÊN không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **không**

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Văn Đua